

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC HUỆ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2021/DS-ST
Ngày: 23-02-2021
V/v “tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thi Hữu Giàu.

Ông Phạm Văn Luốc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 142/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2021 (Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-DS ngày 27-01-2021) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Vũ A - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: Ấp 1, xã M, huyện Đ, tỉnh L (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K (P) - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp 4, xã M1, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn K: Ông Nguyễn Văn S - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: Thôn Bến, xã Trung Lương, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam - văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 02 năm 2021 (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-7-2020, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn ông A trình bày và yêu cầu: Ngày 20-8-2020, ông Nguyễn Văn K có vay của ông A 30.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, thỏa thuận trả lãi ngày 20 hàng tháng. Sau đó hai bên ký hợp đồng cầm cố quyền sử dụng đất số BM699980, sổ vào sổ GCN: CH 01740 ngày 13-5-2013 do Ủy ban nhân dân huyện

Đ cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với thửa đất số 3510 tờ bản đồ số 4 xã M1, diện tích 3.154 m² đất lúa. Ông K thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ. Ông A đã giao đủ cho ông K 30.000.000 đồng tiền gốc vay. Ông K giao cho ông A giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM699980. Sau đó ông K không trả lãi và đến hạn ngày 20-8-2019 cũng không trả gốc cho ông A. Ông A yêu cầu ông K trả tổng cộng 40.350.000 đồng gồm 30.000.000 đồng tiền gốc vay và 10.350.000 đồng tiền lãi (cách tính: lãi suất 1,5%/tháng từ ngày 20-8-2018 đến ngày 20-7-2019 là 23 tháng = 10.350.000 đồng) và yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tại bản tự khai ngày 04-12-2020, ông Nguyễn Văn K trình bày: đồng ý trả cho ông A 30.000.000 đồng tiền gốc nhưng xin trả dần. Về tiền lãi do điều kiện khó khăn nên xin không trả tiền lãi.

Tại phiên tòa:

- Ông A giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện. Ông A yêu cầu ông K trả 30.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi từ ngày 20-8-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng tính tròn thành 30 tháng là 13.500.000 đồng tiền lãi (cách tính: 30.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 30 tháng). Ông A tự nguyện giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM699980 để trả cho ông K.

- Người đại diện hợp pháp của ông K trình bày: ông K có vay của ông A 30.000.000 đồng tiền gốc và giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A giữ. Ông K đồng ý trả toàn bộ 30.000.000 đồng theo yêu cầu của ông A nhưng vì điều kiện khó khăn, hiện nay ông K bị bệnh nên xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng tiền gốc, xin không trả tiền lãi, không có ý kiến gì đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã giao cho ông A và việc ông A tự nguyện nộp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: ông A khởi kiện ông Nguyễn Văn K (P) yêu cầu ông K trả 30.000.000 đồng tiền vay và tiền lãi phát sinh nên xác định quan hệ pháp luật "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Ông K cư trú tại huyện Đ tỉnh L. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

[2]. Ông K đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ (02 lần) nhưng ông K không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông A:

[3.1] Từ bản chính "hợp đồng cầm đồ" ngày 20-8-2018 (có chữ ký và ghi tên Nguyễn Anh K), bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số quyền sử dụng đất số BM699980, sổ vào sổ GCN: CH 01740 ngày 13-5-2013 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với thửa đất số 3510 tờ bản đồ số 4 xã M1, diện tích 3.154 m² đất lúa do ông K đứng tên mà ông A cung cấp cho Tòa án, bản tự khai ngày 04-12-2020 và lời thừa nhận của người đại diện hợp pháp của ông K tại phiên tòa về việc ông K có vay của ông A 30.000.000 đồng và ông K đồng ý trả cho ông A 30.000.000 đồng nên Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của ông A là có cơ sở để buộc ông K phải trả cho ông A 30.000.000 đồng tiền gốc (theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015).

[3.2] Ông K xin trả dần, hai bên không thỏa thuận được. Trong khi thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 20-8-2019. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nên buộc ông K phải trả cho ông A 30.000.000 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật (theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015).

[3.3]. Ông A không yêu cầu gì về nội dung thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã tự nguyện nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả cho ông K nên Hội đồng xét xử ghi nhận và chỉ giải quyết tranh chấp đối với số tiền vay.

[3.4]. Hai bên thỏa thuận lãi suất 1,5%/tháng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tiền lãi tính từ ngày 20-8-2018 đến ngày 23-02-2021 là 30 tháng 03 ngày, ông A yêu cầu tính tròn 03 tháng là 30.000.000 đồng x 1,5% x 30 tháng = 13.500.000 đồng. Nên buộc ông K phải trả cho ông A toàn bộ tiền lãi là 13.500.000 đồng (theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015).

[3.5]. Từ nhận định tại các mục [3.1], [3.2], [3.3], [3.4] buộc ông K phải trả cho ông A tổng cộng: 43.500.000 đồng gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi.

[3.6] Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 trong việc tính lãi chậm thi hành án.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của ông A được chấp nhận nên ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.175.000 đồng (cách tính 43.500.000 đồng x 5%) - theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 207 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với ông Nguyễn Văn K (P).

Buộc ông Nguyễn Văn K (P) phải trả cho A tổng cộng 43.500.000 đồng (bốn mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng) gồm 30.000.000 đồng tiền gốc và 13.500.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận việc ông A tự nguyện giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM699980, số vào sổ GCN: CH 01740 ngày 13-5-2013 do Ủy ban nhân dân huyện Đức Huệ cấp cho ông Nguyễn Văn K đối với thửa đất số 3510 tờ bản đồ số 4 xã M1, diện tích 3.154 m² đất lúa do ông K đứng tên để trả cho ông Nguyễn Văn K (Hiện bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM699980 nêu trên đang được lưu giữ trong hồ sơ vụ án. Tòa án giao cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền sau khi bản án có hiệu lực pháp luật).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn K phải chịu 2.175.000 đồng (hai triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông A 1.008.000 đồng (một triệu không trăm lẻ tám nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông A đã nộp theo các biên lai thu số 0008841 ngày 29-10-2020 và số 0008998 ngày 23-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23-02-2021).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Trần Thị Bích Liên